

PHÂN CHIA TÀI SẢN SỐ CỦA VỢ CHỒNG KHI LY HÔN TRONG BỐI CẢNH LUẬT CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ NĂM 2025: VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ

VŨ THỊ HỒNG VÂN^{1*} - LÊ THỊ HÀ¹

¹Đại học Công nghiệp Hà Nội

Hanoi University of Industry

*Tác giả liên hệ - Email: vanvth@hau.edu.vn

Ngày nhận bài: 12/8/2026

Ngày sửa bài: 28/8/2026

Ngày duyệt đăng bài: 14/9/2026

Tóm tắt:

Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, đã ghi nhận tài sản số là tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tuy nhiên, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và các văn bản hướng dẫn chưa có quy tắc riêng về việc phân chia tài sản số khi ly hôn. Bằng phương pháp phân tích quy phạm kết hợp phân tích hệ thống, bài viết làm rõ 3 nhóm vướng mắc: xác định tài sản số là tài sản chung hay tài sản riêng, nhất là khi tài sản bị trộn lẫn hoặc gia tăng giá trị; xác định thời điểm và phương pháp định giá đối với tài sản có biên độ biến động lớn; lựa chọn phương thức chia và bảo đảm thi hành khi tài sản chỉ được kiểm soát bằng khóa truy cập. Trên cơ sở đó, bài viết kiến nghị ưu tiên chia bằng hiện vật đối với tài sản thay thế được, ấn định mốc định giá dự phòng, thiết lập nghĩa vụ kê khai tài sản số và cơ chế chuyển hóa nghĩa vụ chuyển giao thành nghĩa vụ thanh toán khi người phải thi hành án không hợp tác.

Từ khóa: tài sản số, phân chia tài sản khi ly hôn, tài sản chung của vợ chồng, định giá tài sản, thi hành án dân sự

Dividing digital assets upon divorce under Vietnam's Law on Digital Technology Industry 2025: Obstacles and recommendations

Abstract:

The Law on Digital Technology Industry 2025, effective from 1 January 2026, recognises digital assets as property under the Civil Code. However, the Law on Marriage and Family 2014 and its implementing instruments contain no specific rules on dividing digital assets upon divorce. Using doctrinal and systematic legal analysis, this study identifies three groups of obstacles: classifying digital assets as common or separate property, particularly where assets are commingled or appreciate in value; determining the valuation date and method for highly volatile assets; and choosing the method of division and ensuring enforcement where assets are controlled solely by access keys. The study recommends prioritising in-kind division of fungible assets, establishing a fallback valuation date, imposing a duty to disclose digital assets, and converting the obligation to transfer into a monetary obligation when the judgment debtor refuses to cooperate.

Keywords: digital assets, division of property upon divorce, marital common property, asset valuation, civil judgment enforcement.

1. Đặt vấn đề

Kinh tế số làm thay đổi cơ cấu tài sản của hộ gia đình. Bên cạnh nhà đất, tiền gửi và phương tiện đi lại, một phần giá trị tích lũy của nhiều cặp vợ chồng hiện tồn tại dưới dạng dữ liệu: tài sản mã hóa trong ví điện tử, vật phẩm số trên nền tảng trực tuyến, tài khoản và kênh nội dung số tạo ra doanh thu. Việt Nam nhiều năm thuộc nhóm quốc gia có chỉ số tiếp nhận tài sản mã hóa cao trên thế giới (Chainalysis, 2023). Khi hôn nhân đổ vỡ, nhóm tài sản này tất yếu trở thành đối tượng tranh chấp.

Trong một thời gian dài, trở ngại lớn nhất là pháp luật chưa định danh tài sản số. Trở ngại đó về cơ bản đã được tháo gỡ: Điều 46 Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 khẳng định tài sản số là tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự (Quốc hội, 2025); Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP bước đầu hình thành thị trường tài sản mã hóa có sự quản lý của Nhà nước (Chính phủ, 2025). Tuy nhiên, việc thừa nhận tư cách tài sản chưa trả lời được những câu hỏi mà Tòa án phải giải quyết trong một vụ ly hôn cụ thể: tài sản số nào là tài sản chung, định giá vào thời điểm nào, chia theo cách nào và bảo đảm thi hành ra sao. Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được xây dựng khi loại tài sản này chưa phổ biến nên không có quy tắc riêng; các quy định về định giá trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và biện pháp cưỡng chế trong Luật Thi hành án dân sự cũng được thiết kế cho tài sản hữu hình hoặc tài sản do tổ chức trung gian quản lý.

Bài viết tập trung vào khâu phân chia, với mục tiêu nhận diện các vướng mắc trong áp dụng pháp luật hiện hành và đề xuất giải pháp khả thi, ưu tiên các giải pháp có chi phí lập pháp thấp như văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật. Các vấn đề về bình đẳng giới và hiệu lực lãnh thổ chỉ được đề cập ở mức cần thiết.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở pháp lý

Theo Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015, tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản; Điều 115 xác định quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền (Quốc hội, 2015a). Trước năm 2026, tài sản số thường được lập luận là “quyền tài sản khác”, nhưng cách tiếp cận này chưa có căn cứ văn bản rõ ràng. Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 giải quyết vấn đề bằng kỹ thuật dẫn chiếu: tài sản số là tài sản theo Bộ luật Dân sự, được thể hiện dưới dạng dữ liệu số, được tạo lập, phát hành, lưu trữ, chuyển giao và xác thực bởi công nghệ số trên môi trường điện tử (Điều 46). Khoản 2 Điều 47 chia tài sản số thành tài sản ảo, tài sản mã hóa và tài sản số khác, đồng thời loại trừ chứng khoán, dạng số của tiền pháp định và tài sản tài chính khác (Quốc hội, 2025). Nhờ kỹ thuật dẫn chiếu, toàn bộ chế định về sở hữu, thừa kế và phân chia tài sản có thể áp dụng ngay cho tài sản số.

Đối với quan hệ hôn nhân, Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định tài sản chung gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân; khoản 3 Điều này đặt ra suy đoán tài sản chung khi không chứng minh được tài sản riêng. Điều 43 liệt kê các trường hợp tài sản riêng. Điều 59 quy định nguyên tắc chia tài sản chung khi ly hôn: về cơ bản chia đôi nhưng có tính đến hoàn cảnh gia đình, công sức đóng góp, lợi ích chính đáng trong sản xuất, kinh doanh và lỗi của mỗi bên; tài sản được chia bằng hiện vật, nếu không chia được bằng hiện vật thì chia theo giá trị (Quốc hội, 2014). Các quy định này được hướng dẫn tại Nghị định số 126/2014/NĐ-CP (Chính phủ, 2014) và Thông tư liên tịch

số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP (Tòa án nhân dân tối cao và cộng sự, 2016). Có thể thấy, khung pháp lý chung đã đủ để đưa tài sản số vào diện phân chia, nhưng chưa có quy tắc nào tính đến đặc tính kỹ thuật của loại tài sản này.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp nghiên cứu luật học, gồm: phân tích quy phạm để làm rõ nội dung và giới hạn của các quy định về tài sản chung, tài sản riêng, định giá và thi hành án; phân tích hệ thống để chỉ ra sự thiếu đồng bộ giữa Luật Công nghiệp công nghệ số, pháp luật hôn nhân và gia đình, pháp luật tố tụng dân sự và thi hành án dân sự; phân tích chức năng để đánh giá mức độ đáp ứng của từng quy định đối với mục tiêu bảo vệ quyền tài sản của vợ, chồng. Nguồn tư liệu là các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và một số báo cáo quốc tế về tài sản mã hóa.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Vướng mắc trong xác định tài sản chung, tài sản riêng

Để áp dụng pháp luật hôn nhân và gia đình, tiêu chí phân loại có ý nghĩa nhất không phải là công nghệ nền tảng mà là cơ chế tạo lập giá trị và khả năng chia tách. Kết hợp tiêu chí mục đích sử dụng tại khoản 1 Điều 47 Luật Công nghiệp công nghệ số với 2 yếu tố này, có thể phân biệt 3 nhóm tài sản số là đối tượng phân chia (Bảng 1). Thư điện tử, tin nhắn, hình ảnh cá nhân không mang tính tài sản, không thuộc diện phân chia và được bảo vệ theo Điều 38 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bảng 1. Phân nhóm tài sản số trong khối tài sản của vợ chồng

Nhóm tài sản	Đặc điểm pháp lý	Vướng mắc chính	Phương thức chia phù hợp
Tài sản tài chính số (tài sản mã hóa thay thế được)	Chia được theo đơn vị mà không mất giá trị	Chứng minh tồn tại; giá biến động mạnh	Ưu tiên chia bằng hiện vật (số lượng đơn vị)
Tài khoản, kênh nội dung số có doanh thu	Gắn với hợp đồng nền tảng, quyền tác giả, dòng thu nhập	Không chia tách được; xác định phần giá trị tăng thêm	Giao một bên quản lý, thanh toán chênh lệch
Vật phẩm số, tài sản mã hóa không thay thế được	Tính duy nhất, thiếu thị trường so sánh	Định giá kém tin cậy	Giao một bên hoặc bán, chia tiền

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Vướng mắc thứ nhất là xác định thời điểm xác lập quyền. Dấu vết đáng tin cậy nhất là thời điểm giao dịch được ghi nhận trên hệ thống và thời điểm chuyển tiền mua tài sản, chứ không phải thời điểm tạo ví. Ví điện tử chỉ là công cụ quản lý khóa truy cập, tương tự một kết sắt; ví được tạo trước khi kết hôn không làm cho tài sản nạp vào trong thời kỳ hôn nhân bằng thu nhập chung trở thành tài sản riêng.

Vướng mắc thứ hai là tài sản bị trộn lẫn. Một ví thường chứa cả tài sản có nguồn gốc riêng và tài sản hình thành từ thu nhập chung, sau đó được giao dịch nhiều lần khiến việc truy nguyên từng phần gần như không thể. Trong trường hợp này, suy đoán tài sản chung tại khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình

giữ vai trò quyết định: bên cho rằng một phần là tài sản riêng phải chứng minh. Đây là cách phân bổ rủi ro hợp lý vì bên nắm giữ khóa truy cập có điều kiện lưu giữ chứng cứ tốt hơn.

Vướng mắc thứ ba là bản chất của phần giá trị gia tăng. Nếu tài sản mã hóa là tài sản riêng và chỉ tăng giá do thị trường, phần chênh lệch là sự thay đổi giá trị của chính tài sản riêng, không phải hoa lợi, lợi tức theo Điều 109 Bộ luật Dân sự. Ngược lại, nếu tài sản riêng được đưa vào khai thác (cho vay, góp vốn trên nền tảng số) thì thu nhập phát sinh trong thời kỳ hôn nhân là lợi tức và thuộc tài sản chung theo Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình và Điều 10 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP. Với tài khoản, kênh nội dung số, giá trị tăng lên chủ yếu nhờ công sức duy trì thường xuyên; vì vậy, dù tài khoản được lập trước khi kết hôn, phần giá trị tăng thêm do lao động trong thời kỳ hôn nhân cần được xác định là tài sản chung. Pháp luật hiện hành chưa có hướng dẫn nào về sự phân biệt này, dẫn đến nguy cơ áp dụng không thống nhất.

3.2. Vướng mắc về thời điểm và phương pháp định giá

Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định việc định giá, thẩm định giá tài sản đang tranh chấp (Quốc hội, 2015b). Quy định này ngầm giả định giá trị tài sản tương đối ổn định từ khi định giá đến khi xét xử và thi hành án. Giả định đó không phù hợp với tài sản mã hóa, vốn có thể biến động hàng chục phần trăm trong vài tuần.

Hệ quả là việc chọn mốc định giá có ý nghĩa quyết định đối với quyền lợi các bên nhưng chưa được pháp luật điều chỉnh. Có ít nhất 4 mốc có thể lựa chọn: thời điểm vợ chồng chấm dứt chung sống trên thực tế, thời điểm Tòa án thụ lý, thời điểm định giá và thời điểm xét xử. Khi thiếu quy tắc, bên nắm giữ tài sản có động cơ kéo dài hoặc thúc đẩy quá trình tố tụng tùy theo xu hướng thị trường, trong khi bên kia gánh chịu rủi ro mà không kiểm soát được.

Về phương pháp, phương pháp so sánh chỉ đáng tin cậy với tài sản mã hóa phổ biến có giá niêm yết trên sàn giao dịch. Với vật phẩm số không thay thế được, dữ liệu so sánh thường thiếu hoặc bị chi phối bởi giao dịch ít ỏi; với kênh nội dung số, cần định giá theo thu nhập, dựa trên doanh thu trong một khoảng thời gian đủ dài. Tổ chức thẩm định giá hiện chưa có tiêu chuẩn chuyên biệt cho các đối tượng này.

Nhận định của bài viết là đối với tài sản thay thế được, cách giải quyết triệt để nhất không phải là tìm mốc định giá “đúng” mà là tránh phải quy đổi ra tiền: chia trực tiếp số lượng đơn vị tài sản theo tỷ lệ được hưởng. Khi đó, rủi ro biến động giá được hai bên cùng chịu theo phần của mình. Cách này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc chia bằng hiện vật tại khoản 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc ấn định mốc định giá chỉ cần đặt ra như quy tắc dự phòng khi không chia được bằng hiện vật.

3.3. Vướng mắc về phương thức chia và thi hành án

Chia bằng hiện vật chỉ có ý nghĩa khi bản án thi hành được. Điều 71 Luật Thi hành án dân sự quy định các biện pháp cưỡng chế như khấu trừ tiền trong tài khoản, trừ vào thu nhập, kê biên, xử lý tài sản, buộc chuyển giao vật, quyền tài sản (Quốc hội, 2008). Các biện pháp này đều tác động lên một vật cụ thể hoặc thông qua một tổ chức trung gian có nghĩa vụ chấp hành. Với tài sản mã hóa trong ví tự quản lý, cả hai điều kiện đều không có: không có trung gian để phong tỏa, thiết bị lưu khóa có thể bị thu giữ nhưng không chứa tài sản, còn khóa riêng có thể đã được sao lưu ở nơi khác. Nếu người phải thi hành án từ chối cung cấp khóa, bản án có hiệu lực vẫn không thể thực hiện trên thực tế.

Bên cạnh đó, phần lớn giao dịch trước đây diễn ra trên các nền tảng đặt ngoài lãnh thổ, không chịu hiệu

lực trực tiếp của bản án Việt Nam. Cơ chế thí điểm theo Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP mở ra khả năng có các tổ chức cung ứng dịch vụ được cấp phép trong nước, có nghĩa vụ nhận biết khách hàng và lưu trữ dữ liệu theo Luật Phòng, chống rửa tiền năm 2022 và chuẩn mực của FATF (2021), qua đó trở thành đầu mối để Tòa án xác minh và cơ quan thi hành án phong tỏa. Tuy nhiên, hiệu quả này phụ thuộc vào tốc độ dịch chuyển giao dịch về các tổ chức trong nước. Đối với tài khoản, kênh nội dung số, việc giao cho một bên tiếp tục quản lý còn vướng điều khoản của nhà cung cấp nền tảng thường không cho phép chuyển nhượng tài khoản; do đó, bản án cần xác định rõ bên nào tiếp tục khai thác và nghĩa vụ thanh toán chênh lệch, thay vì tuyên chuyển giao tài khoản.

3.4. Kiểm nghị hoàn thiện pháp luật

Thứ nhất, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần ban hành nghị quyết hướng dẫn giải quyết tranh chấp tài sản số khi ly hôn. Nội dung tập trung vào: (i) tiêu chí xác định tài sản chung, tài sản riêng, trong đó khẳng định thời điểm xác lập quyền là thời điểm giao dịch được ghi nhận, không phải thời điểm tạo ví, và phân biệt giá trị tăng do thị trường với lợi tức, giá trị tăng do công sức; (ii) nguyên tắc ưu tiên chia bằng hiện vật đối với tài sản thay thế được; (iii) mốc định giá dự phòng là thời điểm xét xử sơ thẩm, kèm quyền của đương sự đề nghị định giá lại nếu giá trị biến động vượt một ngưỡng nhất định. Đây là giải pháp có chi phí lập pháp thấp và triển khai nhanh, vì phần lớn vướng mắc thuộc kỹ thuật áp dụng pháp luật.

Thứ hai, thiết lập nghĩa vụ kê khai tài sản số của đương sự trong vụ án ly hôn có tranh chấp tài sản, kèm cam kết trung thực. Khi phát hiện hành vi che giấu, Tòa án được xác định phần tài sản bị che giấu là tài sản chung và giảm tương ứng phần được chia của bên vi phạm, trên cơ sở yếu tố lỗi tại điểm d khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cơ chế này dịch chuyển gánh nặng thông tin sang bên đang kiểm soát tài sản.

Thứ ba, cụ thể hóa Điều 106 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với tổ chức cung ứng dịch vụ tài sản mã hóa được cấp phép, gồm đầu mối tiếp nhận, phạm vi thông tin, thời hạn phản hồi và trách nhiệm bảo mật. Vì khoản 2 Điều 48 Luật Công nghiệp công nghệ số giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung quản lý tài sản số, nghĩa vụ này có thể bổ sung ở cấp nghị định mà không cần sửa luật.

Thứ tư, bổ sung cơ chế thi hành án theo 3 cấp độ: ưu tiên chuyển giao tài sản khi người phải thi hành án hợp tác, có xác nhận hoàn tất trên hệ thống; khi không hợp tác, chuyển nghĩa vụ chuyển giao thành nghĩa vụ trả khoản tiền tương đương giá trị tại thời điểm tuyên án và cưỡng chế trên tài sản khác theo Điều 71 Luật Thi hành án dân sự; đồng thời áp dụng chế tài đối với hành vi cố ý không chấp hành bản án. Thiết kế này bảo đảm việc giữ khóa truy cập không đem lại lợi ích cho người vi phạm. Ngoài ra, cần xây dựng mẫu điều khoản về tài sản số trong thỏa thuận chế độ tài sản của vợ chồng theo Điều 47, 48 Luật Hôn nhân và gia đình để phòng ngừa tranh chấp từ sớm.

4. Kết luận

Việc Luật Công nghiệp công nghệ số năm 2025 ghi nhận tài sản số là tài sản đã khép lại tranh luận về tư cách pháp lý, nhưng chưa giải quyết được bài toán phân chia tài sản số khi ly hôn. Bài viết đã chỉ ra 3 nhóm vướng mắc nổi tiếp nhau: xác định tài sản chung, tài sản riêng khi tài sản bị trộn lẫn và gia tăng giá trị; xác định mốc và phương pháp định giá đối với tài sản biến động mạnh; lựa chọn phương thức chia và

bảo đảm thi hành khi tài sản chỉ được kiểm soát bằng khóa truy cập. Điểm chung của các vướng mắc là pháp luật hiện hành được thiết kế cho tài sản hữu hình hoặc tài sản do trung gian quản lý.

Đóng góp của bài viết là đề xuất tiếp cận “tránh quy đổi”: ưu tiên chia bằng hiện vật đối với tài sản thay thế được, chỉ dùng mốc định giá như quy tắc dự phòng, kết hợp nghĩa vụ kê khai và cơ chế chuyển hóa nghĩa vụ chuyển giao thành nghĩa vụ thanh toán. Các giải pháp này chủ yếu có thể thực hiện bằng nghị quyết hướng dẫn và nghị định, không đòi hỏi sửa đổi luật. Hạn chế của nghiên cứu là chưa khảo sát bản án thực tế do tranh chấp loại này mới xuất hiện; nghiên cứu thực tiễn xét xử sau khi Luật Công nghiệp công nghệ số có hiệu lực là hướng tiếp theo cần triển khai ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Chính phủ. (2014). Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình.

Chính phủ. (2025). Nghị quyết số 05/2025/NQ-CP ngày 09/9/2025 về việc triển khai thí điểm thị trường tài sản mã hóa tại Việt Nam.

Quốc hội. (2008). Luật số 26/2008/QH12: Luật Thi hành án dân sự, ban hành ngày 14/11/2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, 2022).

Quốc hội. (2014). Luật số 52/2014/QH13: Luật Hôn nhân và gia đình, ban hành ngày 19/6/2014.

Quốc hội. (2015a). Luật số 91/2015/QH13: Bộ luật Dân sự, ban hành ngày 24/11/2015.

Quốc hội. (2015b). Luật số 92/2015/QH13: Bộ luật Tố tụng dân sự, ban hành ngày 25/11/2015.

Quốc hội. (2022). Luật số 14/2022/QH15: Luật Phòng, chống rửa tiền, ban hành ngày 15/11/2022.

Quốc hội. (2025). Luật số 71/2025/QH15: Luật Công nghiệp công nghệ số, ban hành ngày 14/6/2025.

Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp. (2016). Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chainalysis. (2023). The 2023 geography of cryptocurrency report. Chainalysis Inc.

FATF. (2021). Updated guidance for a risk-based approach to virtual assets and virtual asset service providers. Financial Action Task Force.